

Số báo danh.....  
Phòng thi.....

**BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ II**  
**Môn Toán – Lớp 3**  
**Năm học 2022 - 2023**  
(Thời gian làm bài : 40 phút)

Điểm.....	Nhận xét	Giám thị.....
Bằng chữ.....	.....	Giám khảo.....

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

**Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:**

**Câu 1.** (M1-0,5đ) Số gồm 8 chục nghìn , 6 nghìn, 5 đơn vị viết là:

- A. 86 500      B. 86 005      C. 80 605      D. 80 650

**Câu 2.** (M1-0,5đ) Số liền sau của số 10 000 là:

- A. 10 001      B. 9 999      C. 1 999      D. 9 000

**Câu 3.** (M1-0,5đ) Giá trị của chữ số 5 trong số 59 084 là:

- A. 50 000      B. 5 000      C. 500      D. 50

**Câu 4.** (M1-0,5đ) Số 42 890 làm tròn đến hàng nghìn được số:

- A. 42 000      B. 42 800      C. 42 900      D. 43 000

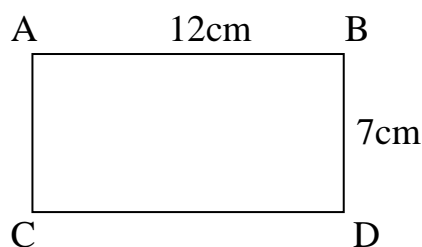
**Câu 5.** (M2-1đ). Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

a)  $5\text{kg} = 500\text{g}$             b)  $2\text{ giờ } 3\text{ phút} < 3\text{ giờ}$      

c)  $9\text{m } 6\text{cm} = 960\text{cm}$             d)  $X + V = XV$      

**Câu 6.** (M2 – 1đ). Viết tiếp vào chỗ chấm:

Cho hình chữ nhật ABCD có kích thước như hình bên:



a) Chu vi hình chữ nhật ABCD là:.....

b) Diện tích hình chữ nhật ABCD là : .....

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)**

**Câu 7.** (M2 - 2đ) Đặt tính và tính:

$54\ 828 + 4\ 502$        $72\ 761 - 45\ 439$        $6\ 417 \times 4$        $8\ 736 : 6$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 8.** (M2- 1đ) Tính giá trị của biểu thức

a)  $8\,415 \times 6 - 4\,318$

b)  $7\,164 + (54\,304 - 14\,787)$

.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 9.** (M3-2đ) Nhà trường xây dựng thư viện xanh nên tổ chức quyên góp sách, truyện. Học kì I nhà trường quyên góp được 5 623 quyển. Học kì II nhà trường quyên góp nhiều hơn học kì I là 458 quyển. Hỏi cả hai học kì, nhà trường quyên góp được tất cả bao nhiêu quyển sách, truyện?

*Bài giải*

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 10.** (M3-1đ) Dưới đây là bảng giá được niêm yết ở một cửa hàng văn phòng phẩm. Em hãy dựa vào bảng giá và trả lời câu hỏi:

Sản phẩm	Bút mực	Bút chì	Vở ô ly	Thước kẻ
Giá 1 sản phẩm	10 000 đồng	4 000 đồng	6 000 đồng	5 000 đồng

a) Sản phẩm nào có giá đắt nhất? Sản phẩm nào có giá rẻ nhất?

.....

b) Với 50 000 đồng có thể mua nhiều nhất bao nhiêu cái bút mực?

.....

c) Mai mua 3 sản phẩm hết vừa tròn 20 000 đồng. Những khả năng có thể xảy ra là:

.....  
.....  
.....

**HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM MÔN TOÁN LỚP 3  
CUỐI KỲ II, NĂM HỌC 2022 - 2023**

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6
<b>Đáp án</b>	B	A	A	D	a) S; b) Đ c) S; d) Đ	a) 38cm b) 84 cm <sup>2</sup>
<b>Điểm</b>	0,5	0,5	0,5	0,5	1	1

**Câu 7.** (2 điểm). Mỗi phép tính đúng cho 0,5 điểm, trong đó đặt tính đúng cho 0,2 điểm, tính đúng cho 0,3 điểm.

**Câu 8.** (1 điểm) Tính đúng giá trị của của mỗi biểu thức cho 0,5 điểm, mỗi bước tính đúng cho 0,25 điểm.

a)  $8415 \times 6 - 4318$   
 $= 50490 - 4318$   
 $= 46172$

b)  $7164 + (54304 - 14787)$   
 $= 7164 + 39517$   
 $= 46681$

**Câu 9.** (2 điểm)

Bài giải

Số sách, truyện học kì II nhà trường quyên góp được:

$$5623 + 458 = 6081 \text{ (quyển)} \quad 0,75 \text{ đ}$$

Số sách, truyện cả hai học kì nhà trường quyên góp được:

$$5623 + 6081 = 11704 \text{ (quyển)} \quad 0,75 \text{ đ}$$

$$\text{Đ/S : } 11704 \text{ quyển sách, truyện.} \quad 0,5 \text{ đ}$$

**Câu 10:** (1 điểm).

a) Bút mực có giá đắt nhất, bút chì có giá rẻ nhất. (0,25đ)

b) Với 50 000 đồng có thể mua nhiều nhất 5 chiếc bút mực. (0,25đ)

c) Những khả năng có thể xảy ra là:

- Mai mua 1 bút mực và 2 thước kẻ. (0,25đ)

- Hoặc: Mai mua 1 bút mực, 1 bút chì, 1 vở ô li. (0,25đ)

\* **Lưu ý :** Bài làm đúng đến đâu cho điểm đến đó.

*Bài toán giải : Câu trả lời đúng, phép tính đúng nhưng sai kết quả cho ½ số điểm, câu trả lời sai, phép tính và tính đúng không cho điểm. Bài làm cách khác, đúng vẫn cho đủ điểm.*